

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1.1. Tên chủ cơ sở .....	1
1.2. Tên cơ sở .....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	3
1.3.1. Công suất của cơ sở.....	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	5
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	6
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	7
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	7
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	7
2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở) .....	7
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	14
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	14
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	15
3.1.3. Xử lý nước thải.....	16
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	21
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	21
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	22
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	23
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	24
3.6.1. Các biện pháp phòng chống cháy nổ.....	24

3.6.2. An ninh trật tự và an toàn giao thông.....	24
3.6.3. Sự cố về chất thải .....	25
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	26
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	26
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có .....	27
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có .....	27
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	28
5.1.1. Kết quả giám sát chất lượng nước thải.....	28
5.1.2. Kết quả giám sát chất lượng nước mặt.....	28
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	29
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	31
6.1 Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	31
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	31
6.1.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	31
6.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	32
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	33
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	34

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<b>BTNMT</b>	Bộ Tài nguyên và Môi trường
<b>BC</b>	Báo cáo
<b>BTCT</b>	Bê tông cốt thép
<b>CP</b>	Chính phủ
<b>CTR</b>	Chất thải rắn
<b>CTNH</b>	Chất thải nguy hại
<b>HĐND</b>	Hội đồng nhân dân
<b>NĐ</b>	Nghị định
<b>QCVN</b>	Quy chuẩn Việt Nam
<b>QLMT</b>	Quản lý môi trường
<b>QĐ</b>	Quyết định
<b>Stt</b>	Số thứ tự
<b>TT</b>	Thông tư
<b>XLNT</b>	Xử lý nước thải
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>VP</b>	Văn phòng

## DANH MỤC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 1. Toạ độ các điểm ranh giới của bệnh viện.....	2
Bảng 2. Danh mục máy móc, thiết bị.....	5
Bảng 3. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (Ltd).....	10
Bảng 4. Điều kiện lấy mẫu nước mặt rạch Chợ.....	11
Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	11
Bảng 6. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ ).....	12
Bảng 7. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của rạch Chợ.....	12
Bảng 8. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải tại chợ Hòa Minh.....	17
Bảng 9. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	23
Bảng 10. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	26
Bảng 11. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải tại chợ Hòa Minh.....	28
Bảng 12. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt.....	29
Bảng 13. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh.....	30
Bảng 14. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	31
Bảng 15. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động.....	31

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

	Trang
Hình 1. Sơ đồ minh họa vị trí dự án.....	2
Hình 2. Hình ảnh hiện trạng chợ Hòa Minh.....	4
Hình 3. Sơ đồ quy trình buôn bán hàng hóa tại Chợ.....	4
Hình 4. Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước.....	13
Hình 5. Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa.....	14
Hình 6. Ống xả nước thải sinh hoạt ra rạch Chợ.....	15
Hình 7. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại.....	16
Hình 8. Cấu tạo hầm tự hoại.....	17
Hình 9. Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến.....	19
Hình 10. Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ.....	22
Hình 11. Hình ảnh thu mẫu môi trường tại chợ Hòa Minh.....	30

## **Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: Hợp tác xã NN - XD - TM - DV Phước Thành
- Địa chỉ văn phòng: ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Mã số thuế: 2100492817
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:  
Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Chức vụ: Giám đốc. Điện thoại: 0919387475
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 580307000017 của Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/11/2019).
- Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND xã Hòa Minh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Chợ thủy sản xã Hòa Minh (Chợ Hòa Minh).
- Quyết định số 5450/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ Hòa Minh, xã Hòa Minh sang Hợp tác xã tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ.
- Quyết định số 5450/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện Châu Thành về việc công nhận HTX Nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Hòa Minh, xã Hòa Minh.

### **1.2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: **Chợ Hòa Minh**
- Địa điểm cơ sở: ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Dự án được thực hiện tại ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích là 1.228,7 m<sup>2</sup>. Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:
  - + Phía Bắc: giáp Hương lộ 30;
  - + Phía Tây: giáp Rạch Chợ;
  - + Phía Nam: giáp nhà dân;
  - + Phía Đông: giáp đường nhựa.



Hình 1. Sơ đồ minh họa vị trí dự án

+ Tọa độ các điểm giới hạn các điểm góc của dự án được thể hiện như sau (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

Bảng 1. Tọa độ các điểm ranh giới của bệnh viện

Ký hiệu	Điểm góc	Hệ tọa độ chuẩn VN-2000	
		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
M1	Điểm góc 1	1095684	606367
M2	Điểm góc 2	1095666	606396
M3	Điểm góc 3	1095636	606377
M4	Điểm góc 4	1095639	606370
M5	Điểm góc 5	1095650	606353
M6	Điểm góc 6	1095657	606358
M7	Điểm góc 7	1095663	606350

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

Từ khi đi vào hoạt động từ năm 2017 đến nay, Chợ vẫn chưa lập thủ tục về

môi trường do Ban quản lý chợ chưa tiếp cận đầy đủ các quy định trong việc lập các giấy phép môi trường.

- **Quy mô của cơ sở:**

+ Cơ sở được quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 1.795.000.0000 đồng: thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định tại STT thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

→ Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Dự án đã hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực → Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND huyện Châu Thành thẩm định và cấp phép.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Hợp tác xã NN - XD -TM - DV Phước Thành phối hợp cùng Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “**Chợ Hòa Minh**” để trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **1.3.1. Công suất của cơ sở**

Diện tích thực hiện dự án là 1.228,7m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục công trình chính và phụ phục vụ cho hoạt động của các tiểu thương.

- Hạng mục công trình chính gồm: Nhà lồng chợ: 375m<sup>2</sup>, kết cấu: móng BTCT, nền xi măng, mái tole với tổng số điểm kinh doanh là 72 điểm (sạp) trong đó có 52 điểm trong nhà lồng chợ và 20 điểm bên ngoài nhà lồng chợ.

- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm:

+ Sân đường: 833,9m<sup>2</sup>, kết cấu: sân xây bó gạch thẻ mác 75 dày 200mm.

+ Hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện.

+ Hệ thống PCCC.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường gồm:

+ Nhà vệ sinh: 19,8m<sup>2</sup>, kết cấu: móng BTCT, tường gạch, sàn BTCT, mái tole.

+ Hệ thống thoát nước: tổng chiều dài 74,1m, kết cấu công ly tâm.

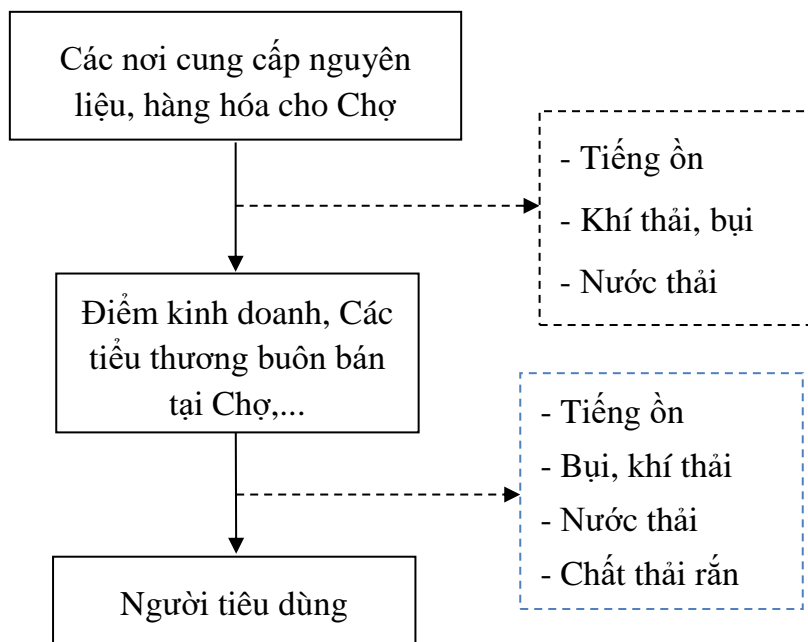




Hình 2. Hình ảnh hiện trạng chợ Hòa Minh

### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình thu mua, trao đổi hàng hóa tại Chợ bao gồm các công đoạn được thể hiện như sau:



Hình 3. Sơ đồ quy trình buôn bán hàng hóa tại Chợ

#### \* Thuyết minh quy trình:

Các tiểu thương sẽ thu mua các mặt hàng từ các nhà cung cấp trên địa bàn huyện Châu Thành, các khu vực lân cận, thành phố Trà Vinh về bán lại cho người dân có nhu cầu.

Việc vận chuyển hàng hóa từ các nhà cung cấp đến Chợ chủ yếu bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thủy như: Xe máy, xe tải, ghe, xuồng, ... Các loại hàng hóa sau khi được nhập vào và lưu trữ tại các sạp kinh doanh sẽ được bán lại cho người tiêu dùng.

Việc trao đổi buôn bán tại Chợ phải được thực hiện dưới sự quản lý và điều hành của BQL Chợ. Hàng hóa trong Chợ phải được bảo quản để đảm bảo hàng hóa bán cho người dân là sản phẩm còn tươi và an toàn. Các hàng hóa không tiêu thụ được, hoặc hết hạn sử dụng, sản phẩm bị hỏng... sẽ được tiêu thương thu gom để tiến hành xử lý đúng quy định.

Thời gian hoạt động của chợ bắt đầu từ bắt đầu từ 3h sáng đến 17h chiều.

### 1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là cung cấp các nguyên liệu, sản phẩm tươi, sạch, an toàn và đảm bảo vệ sinh thực phẩm cho người dân sinh sống xung quanh khu vực chợ Hòa Minh.

### 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Do đặc điểm hoạt động của cơ sở là dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng để người dân trao đổi hàng hóa. Vì vậy các máy móc thiết bị được trang bị chủ yếu phục vụ công tác PCCC tại khu vực nhà quản lý và hệ thống quản lý của chợ.

Bảng 2. Danh mục máy móc, thiết bị

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	Bình chữa cháy CO <sub>2</sub>	bình	04	80 %
2	Bình bột chữa cháy	bình	04	80 %
3	Giá đỡ bình chữa cháy	cái	04	80 %
4	Bảng nội quy và tiêu lệnh PCCC	bộ	01	80 %

(Nguồn: Ban quản lý Chợ Hòa Minh, 2022)

- **Nhu cầu về điện:** Chợ là nơi giao lưu hàng hóa, nên nguồn điện cung cấp cho Chợ chủ yếu cung cấp cho các thiết bị chiếu sáng và các thiết bị phục vụ, kinh doanh tại chợ. Lượng điện tiêu thụ tại Chợ ước tính vào khoảng 300 kWh/tháng, nguồn điện được cung cấp từ hệ thống điện quốc gia thuộc trạm cấp điện huyện Châu Thành.

- **Nhu cầu về nước:** Nước sạch cung cấp cho Chợ chủ yếu dùng để vệ sinh quầy sạp và nhu cầu sinh hoạt của người dân mua bán tại Chợ. Khối lượng sử dụng khoảng  $246 \text{ m}^3/\text{tháng}$ , tương đương  $8,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Trong đó: Nước phục vụ nhu cầu vệ sinh của tiểu thương và người dân là  $6,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; nước phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán là  $2,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- **Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:** Chợ chỉ là nơi diễn ra các hoạt động dưới hình thức trao đổi hàng hóa giữa tiểu thương và người dân nên nhiên liệu tiêu thụ tại Chợ chỉ là xăng, dầu của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Chợ. Tại đây không lưu trữ nhiên liệu.

### **1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư**

Năm 2017, chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng sân đường và hệ thống thoát nước thải ra Rạch Chợ.

## **Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Do xã Hòa Minh là xã thuộc cù lao của huyện Châu Thành chia cắt với đất liền bởi sông Cổ Chiên nên việc mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân còn nhiều hạn chế, việc trao đổi hàng hóa của bà con được thực hiện tự phát, buôn bán nhỏ lẻ nên việc quản lý chất lượng hàng hóa gặp khó khăn. Do đó, tháng 10/2016 Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Minh quyết định đầu tư dự án chợ Hòa Minh để đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cù lao Hòa Minh. Do đó việc đầu tư chợ Hòa Minh hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế, Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hòa Minh (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòa Minh, huyện Châu Thành) và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

### **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

#### **2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở)**

Hiện tại, chợ Hòa Minh đang thực hiện xả nước thải vào Rạch Chợ, nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bởi hầm tự hoại, nước thải từ khu vực nhà lồng chợ và nước mưa chảy tràn được thu gom bởi hệ thống cống BTCT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là  $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

##### **a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:**

##### **- Các hoạt động phát sinh nước thải:**

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của tiểu thương và nhân viên quản lý chợ.

+ Nước thải từ hoạt động kinh doanh của tiểu thương trong quá trình xử lý thực phẩm sống và vệ sinh khu vực buôn bán.

##### **- Lưu lượng nước thải phát sinh như sau:**

+ Lưu lượng xả thải trung bình  $Q_a = 8,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $Q_{\max} = 10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

##### **b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:**

**- Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải:**

Trên địa bàn xã Hòa Minh, huyện Châu Thành có mạng lưới sông rạch dày đặc là một hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi, bao gồm:

+ Sông Cổ Chiên là một trong 03 nhánh sông Tiền, rẽ nhánh từ khu vực thành phố Vĩnh Long chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam nên có nguồn nước tưới dồi dào phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản và các ngành nghề khác. Sông Cổ Chiên đoạn chảy qua địa bàn huyện Châu Thành dài khoảng 30km và được rẽ thành 02 nhánh bởi cù lao Long Hòa – Hòa Minh, đổ ra biển Đông qua cửa Cung Hầu và Cổ Chiên.

+ Các kênh rạch nhỏ để dẫn và tiêu thoát nước phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động sinh hoạt của người dân.

**- Điều kiện chế độ thủy văn:**

+ Rạch Chợ chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ Biển Đông, triều lên xuống ngày 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường sau ngày 01 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém sau ngày 07 và 23 âm lịch. Biên độ triều hàng ngày rất lớn, nhất là các khu vực gần cửa sông. Biên độ tắt dần khi vào nội đồng, đặc biệt vào mùa triều cường (tháng 10,12 dương lịch) và chịu ảnh hưởng chung của sông Cổ Chiên và sông Hậu, biên độ triều hàng ngày nhỏ và hầu như không đáng kể vào thời kỳ triều cường nhất trong năm.

+ Rạch Chợ chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi lưu lượng của sông Cổ Chiên nên diễn biến dòng chảy của Rạch Chợ mang hình thái sông Cổ Chiên và biến đổi theo mùa.

**- Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải**

+ Tiếp giáp về phía Tây Bắc của cơ sở là Rạch Chợ, dài khoảng 1,83km, chiều rộng đáy từ 02 - 03 m, mực nước sâu khoảng 01 - 02 m, chức năng chính của kênh là dẫn nước và thoát nước thải trong khu vực.

+ Chọn Rạch Chợ là nguồn tiếp nhận nước thải vì: Rạch Chợ chảy qua khu vực chợ có chiều rộng bình quân từ 02 - 03 m, độ sâu từ 01 - 02 m. Vị trí mặt cắt kênh tại điểm xả nước thải rộng 2m, sâu 1m. Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh là 1,12 m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng xả thải lớn nhất của chợ là 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 0,00012 m<sup>3</sup>/s, rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh. Tuy nhiên, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý vẫn còn cao hơn giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với K=1,2). Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh

hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biên ven bờ).

**- Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:**

+ Xác định đoạn kênh cần đánh giá: Vị trí mặt cắt kênh tại điểm xả nước thải rộng khoảng 2m. Căn cứ theo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, khu vực cần đánh giá khả năng nhận nước thải, sức chịu tải là “đoạn Rạch Chợ chảy qua khu vực chợ Hòa Minh”.

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt Rạch Chợ dùng cho mục đích tưới tiêu, nông nghiệp.

+ Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N.

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn Rạch Chợ chảy qua khu vực chợ Hòa Minh, có nguồn nước thải chợ (gọi chung là nước thải sinh hoạt) thải vào đoạn Rạch Chợ theo quy định Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

*c) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là Rạch Chợ bằng phương pháp đánh giá trực tiếp theo Khoản 4 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, cụ thể như sau:*

(1) Công thức đánh giá:  $L_{tm} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$ . Trong đó:

+  $L_{tm}$ : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

+  $L_{td}$ : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

+  $L_{mn}$ : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

+  $F_s$ : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại Khoản 2 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ )**

Công thức xác định:  $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$ ;

+  $C_{qc}$ : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub>.

+  $Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn rạch đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

*Bảng 3. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ )*

STT	Thông số	$C_{qc}$ mg/l	$Q_s$ m <sup>3</sup> /s	Hệ số thứ nguyên	$L_{td}$ (kg/ngày)
1	TSS	50	1,12	86,4	4.838
2	BOD <sub>5</sub>	15	1,12	86,4	1.452
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	0,9	1,12	86,4	87
4	COD	30	1,12	86,4	2.903

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

**(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{mn}$ )**

- Công thức xác định:  $L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$ ; Trong đó:

+  $C_{mn}$ : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+  $Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn rạch đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước Rạch Chợ. Chủ dự án đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu tiến hành lấy và thử nghiệm 01 mẫu nước mặt/03 đợt.

+ Vị trí, thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

*Bảng 4. Điều kiện lấy mẫu nước mặt rạch Chợ*

STT	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
1	Mẫu 1: 11/10/2022 Vị trí: 01 mẫu nước mặt Rạch Chợ cách điểm xả thải của chợ 1,0km theo hướng dòng chảy	- Lấy mẫu lúc: 10 giờ 00 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng; - Mẫu nước đục, ít cặn.
2	Mẫu 2: 14/10/2022 Vị trí: 01 mẫu nước mặt Rạch Chợ cách điểm xả thải của chợ 1,0km theo hướng dòng chảy	- Lấy mẫu lúc: 09 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng. - Mẫu nước đục.
3	Mẫu 3: 17/10/2022 Vị trí: 01 mẫu nước mặt Rạch Chợ cách điểm xả thải của chợ 1,0km theo hướng dòng chảy	- Lấy mẫu lúc: 09 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng. - Mẫu nước đục, ít cặn

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

+ Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước mặt như sau:

*Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	TSS	mg/L	98,0	145,0	123,0	122,00
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	2,8	2,2	2,4	2,47
3	COD	mg/L	25	21	25	23,67
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	0,31	0,69	0,64	0,55

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)



- Như vậy, giá trị của  $C_{mn}$  được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt. Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

*Bảng 6. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{mn}$ )*

STT	Thông số	$C_{mn}$ mg/l	$Q_s$ $m^3/s$	Hệ số thứ nguyên	$L_{mn}$ (kg/ngày)
1	TSS	122,00	1,12	86,4	11.806
2	BOD <sub>5</sub>	2,47	1,12	86,4	239
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	0,55	1,12	86,4	53
4	COD	23,67	1,12	86,4	2.290,5

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

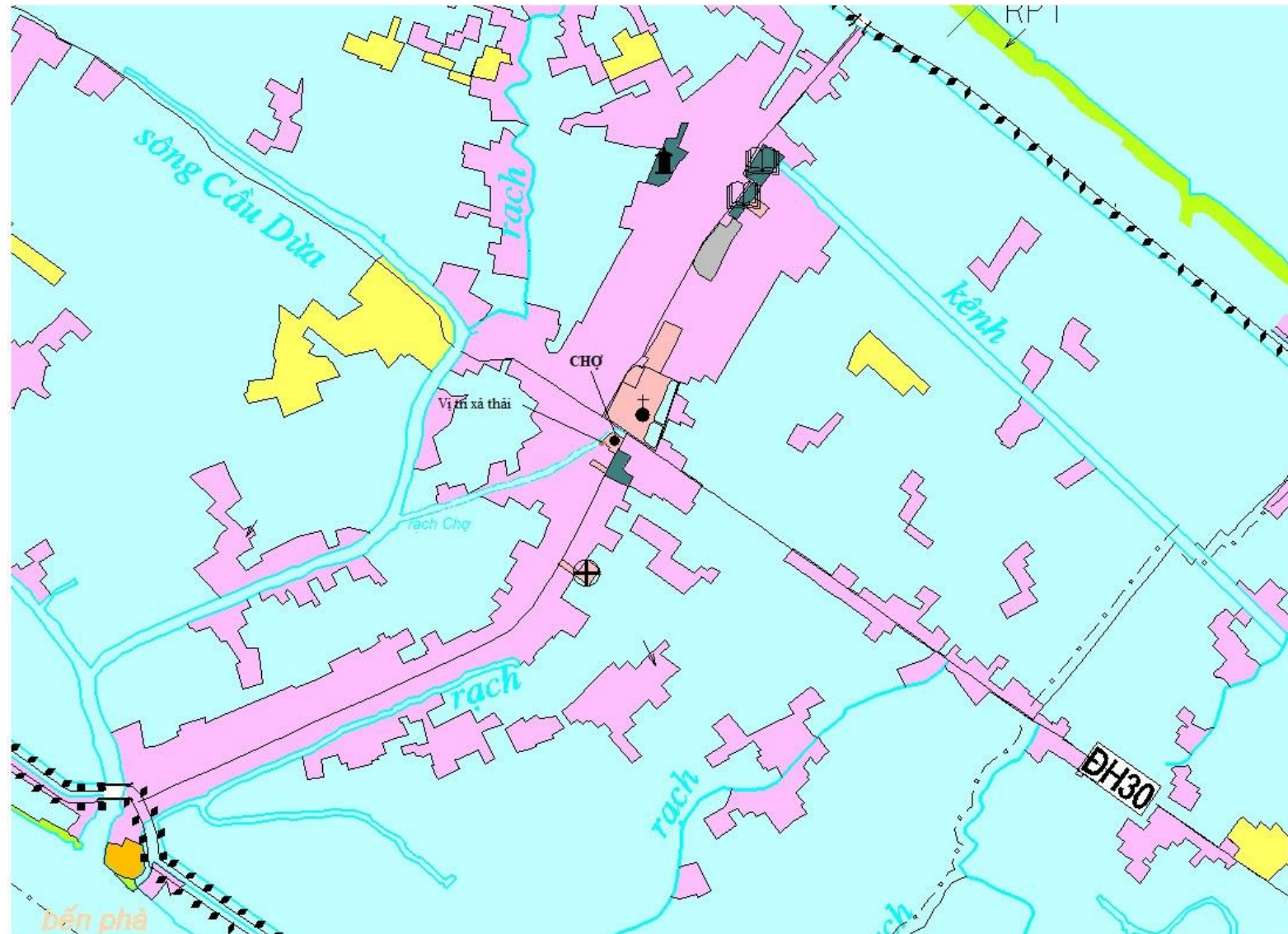
- Từ đó, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là rạch Chợ được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 7. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của rạch Chợ*

STT	Thông số	$L_{td}$	$L_{mn}$	$F_s$	$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn}) \times F_s$
1	TSS	4.838	11.806	0,7	-4.878
2	BOD <sub>5</sub>	1.452	239	0,7	849
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	87	53	0,7	24
4	COD	2.903	2.290,5	0,7	429,1

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

**Nhận xét:** Căn cứ vào bảng trên, cho thấy chỉ có thông số COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N có giá trị  $L_{tn} > 0$ , thông số TSS có giá trị  $L_{tn} < 0$  từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt rạch Chợ có khả năng tiếp nhận 03/04 chỉ tiêu đặc trưng được đánh giá của nước thải. Qua khảo sát, việc nước mặt Rạch Chợ bị ô nhiễm thông số TSS do ảnh hưởng chung của điều kiện môi trường nước mặt khu vực hạ nguồn sông Cỏ Chiên, với đặc điểm nhiều phù sa. Bên cạnh đó, lưu lượng nước thải phát sinh của Chợ rất ít so với lưu lượng dòng chảy của rạch Chợ. Tuy nhiên, chợ Hòa Minh cần được xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận để đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường nước mặt trong khu vực.



Hình 4. Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước

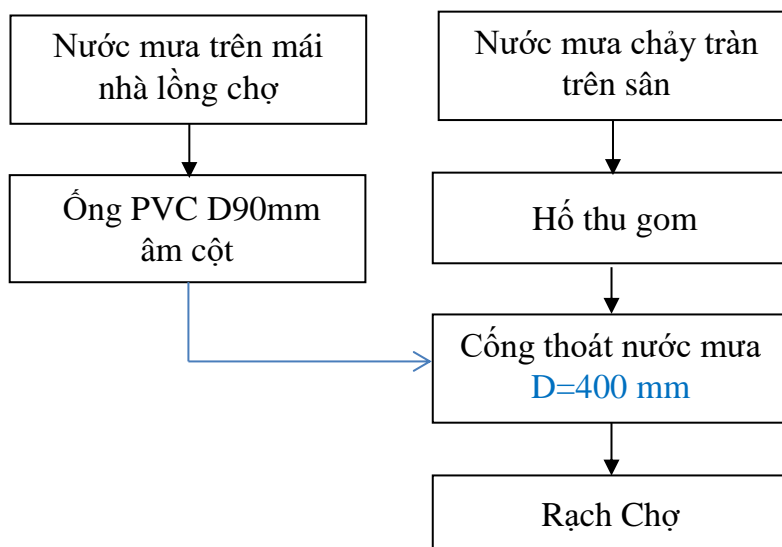
### **Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

Tại chợ Hòa Minh, nước mưa và nước thải khu vực nhà lồng chợ được thu gom chung và các loại nước thải này được xử lý như sau:

##### **3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Nước mưa phát sinh trên tổng diện tích chợ ước tính khoảng  $107\text{m}^3/\text{tháng}$  tương đương  $3,55\text{m}^3/\text{ngày}$ . Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở như sau:



*Hình 5. Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa*

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở bao gồm: hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn dưới sân và hệ thống cống thoát nước chung ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể như sau:

+ Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ sẽ được đưa qua các cống thoát nước mưa nội bộ kích thước D400mm; sân bãi được thiết kế có độ dốc 1% hướng về rạch Chợ để nước mưa có thể tự chảy tràn về hố thu gom. Tổng chiều dài cống 74,5m.

+ Cống thu gom nước mưa nội bộ được đầu tư hoàn chỉnh và trên chiều dài cống thoát có bố trí hố ga để lắng cặn. Hố ga có cấu tạo gạch thẻ vữa M75. Độ dốc hệ thống thoát nước mưa là  $i=1\%$ . Số lượng: 05 hố ga, kích thước 1x1m.

+ Hệ thống thu gom nước mưa trên mái: Nước mưa từ mái nhà lồng chợ được thu gom bằng ống PVC D90mm đặt âm trong cột chịu lực của nhà lồng và thải xuống cống thoát nước mưa nội bộ của Chợ.

(Bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm ở phần phụ lục của Báo cáo).

### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh tại chợ Hòa Minh bao gồm nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của tiểu thương, nhân viên Ban quản lý chợ và phát sinh từ khu vực nhà lồng từ các hoạt động buôn bán thủy hải sản và vệ sinh dụng cụ.

#### ➤ *Nước thải sinh hoạt*

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính phát sinh khoảng  $6\text{m}^3/\text{ngày}$ . Nước thải sau khi được thu gom và xử lý bởi hầm tự hoại sẽ thoát ra rạch Chợ bằng ống nhựa PVC D90.



Hình 6. Ống xả nước thải sinh hoạt ra rạch Chợ

#### ➤ *Nước thải từ hoạt động kinh doanh, buôn bán*

Nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh tại nhà lồng ước tính khoảng  $2,2\text{m}^3/\text{ngày}$  từ hoạt động vệ sinh thực phẩm, thiết bị, sân nền của nhà lồng chợ được thu gom vào rãnh thoát nước bố trí xung quanh khu vực nhà lồng.

+ Nước thải chảy tràn theo độ dốc về công thoát nước kích thước D400mm; Tổng chiều dài công 74,5m.

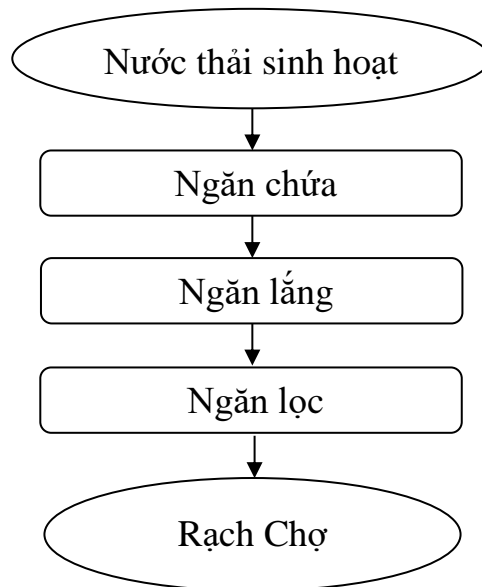
+ Dọc theo tuyến công có bố trí hố ga để lắng cặn. Hố ga có cấu tạo gạch thẻ vữa M75. Độ dốc hệ thống thoát nước mưa là  $i=1\%$ . Số lượng: 05 hố ga, kích thước  $1\times 1\text{m}$ .

+ Nước thải sau khi được thu gom bởi tuyến cống sẽ thoát ra rạch Chợ thông qua ống nhựa PVC D114.

### 3.1.3. Xử lý nước thải

#### ➤ *Nước thải sinh hoạt*

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của chợ đã và đang được thực hiện như sau:



Hình 7. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

#### \*Thuyết minh quy trình

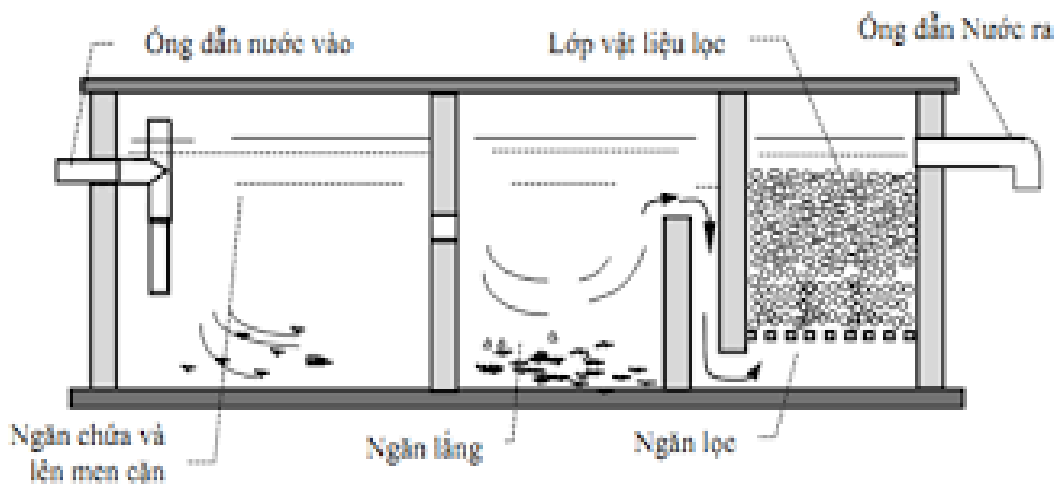
Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được dẫn về hầm tự hoại, tại đây nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong hầm tự hoại theo thứ tự: ngăn chứa phân – ngăn lắng – ngăn lọc. Công dụng của các ngăn trong hầm tự hoại như sau:

+ Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng bọt bị giữ lại bên trong ngăn chứa phân.

+ Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn chứa phân qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải.

+ Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như than hoạt tính, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Thể tích hầm tự hoại hiện hữu là 7m<sup>3</sup> có kích thước 3,5x2x1 (m) đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại chợ Hòa Minh.



Hình 8. Cấu tạo hầm tự hoại

☞ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Phương pháp xử lý bằng hầm tự hoại phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt. Để đánh giá khả năng xử lý của hầm tự hoại, ngày 11/10/2022 chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu, cụ thể như sau: 01 mẫu nước thải tại vị trí cống thoát nước của Chợ.

Kết quả giám sát nước thải chợ Hòa Minh được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 8. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải tại chợ Hòa Minh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc (NT)	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2
1	pH	-	7,17	5-9
2	TSS	mg/L	64	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	<b>673</b>	60
4	COD	mg/L	1.211	-
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	<b>104,70</b>	12
6	Tổng Coliforms	MPN/100mL	<b>4,3x10<sup>6</sup></b>	5.000

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải của cơ sở đính kèm Phụ lục)

**\*Nhận xét:**

- Hầu hết các thông số thử nghiệm nước thải sau xử lý đều có giá trị cao hơn giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2). Chỉ có thông số

TSS nằm trong giới hạn cho phép, thông số COD không quy định trong tại QCVN 14:2008/BTNMT.

- Kết quả phân tích nước thải sau hầm tự hoại chứng tỏ nước thải của chợ Hòa Minh chưa được xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, Ban quản lý chợ cần trang bị thêm công trình xử lý nước thải để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải sau hầm tự hoại. Đồng thời, để tăng khả năng xử lý của hầm tự hoại, Ban quản lý chợ phải thuê đơn vị có chức năng định kỳ 06 tháng/lần thực hiện hút phân cặn lắng dưới đáy hầm tự hoại và xử lý theo đúng quy định.

➤ **Nước thải từ hoạt động kinh doanh, buôn bán**

Nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh tại nhà lồng ước tính khoảng 2,2m<sup>3</sup>/ngày từ hoạt động vệ sinh thực phẩm, thiết bị, sân đường được thu gom vào rãnh thoát nước chung bố trí xung quanh khu vực nhà lồng. Nước thải được xả thải trực tiếp ra môi trường nước mặt tiếp nhận nước thải là rạch Chợ, tại chợ Hòa Minh chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**\* Đề xuất bổ sung công trình, biện pháp xử lý nước thải:**

Hiện tại, nước thải từ hoạt động kinh doanh của chợ chưa được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Chủ dự án cần xây dựng thêm 01 hệ thống thu gom nước thải từ nhà lồng chợ (tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải), đồng thời lập kế hoạch đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm thu gom, xử lý triệt để lượng nước thải sau hầm tự hoại và nước thải từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường nước mặt của rạch Chợ.

Việc lựa chọn công nghệ, phương pháp xử lý nước thải Chợ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Thành phần nước thải.
- Lưu lượng nước thải.
- Tiêu chuẩn áp dụng so sánh chất lượng nước thải sau xử lý.
- Tính kinh tế, diện tích đất sử dụng.

Trong các phương pháp xử lý nước thải như: Phương pháp cơ học, phương pháp hóa học, phương pháp sinh học,...thì phương pháp sinh học được xem là phương pháp tối ưu nhất. Ngoài ra, do nước thải phát sinh tại Chợ không liên tục, nên phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR (xử lý theo mẻ) được xem là phù hợp với điều kiện thực tế. Các ưu điểm của phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR:

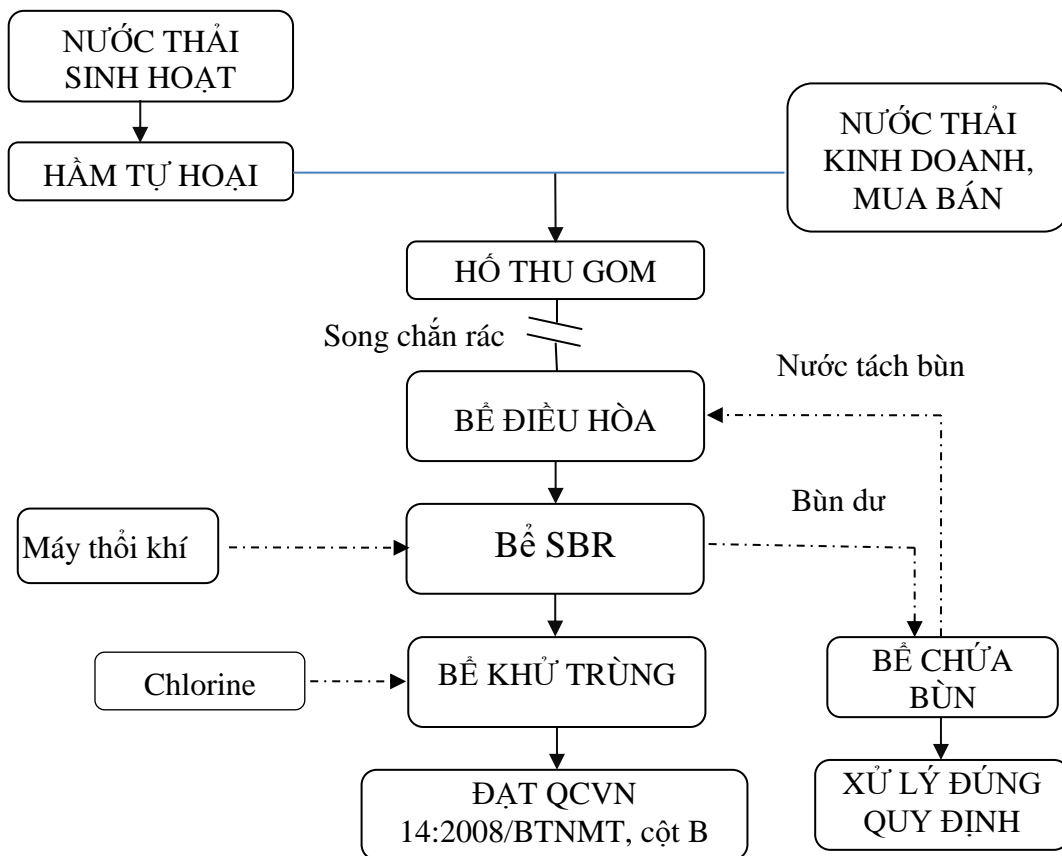
- Chi phí vận hành thấp.
- Quy trình vận hành và quản lý đơn giản.

- Tính ổn định cao.
- Tiết kiệm được diện tích xây dựng.

Do đặc tính của nước thải chợ có thành phần ô nhiễm chính là các chất hữu cơ, vi sinh vật cao nên phương pháp xử lý sinh học kết hợp khử trùng sẽ mang lại hiệu quả xử lý tốt nhất, đảm bảo phân hủy gần như toàn bộ các chất ô nhiễm hữu cơ và tiêu diệt gần như hoàn toàn vi trùng gây bệnh.

Hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp xử lý sinh học kết hợp khử trùng được xây dựng, vận hành theo đúng quy định thì hiệu suất xử lý nước thải có thể đạt 90 % đối với BOD5, 80 % đối với SS và hơn 99 % đối với Coliform.

Quy trình xử lý nước thải tập trung của chợ với công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm được thực hiện như sau:



Hình 9. Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến

**\* Thuyết minh quy trình**

Xử lý nước thải theo phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR là phương pháp xử lý bùn hoạt tính nhưng 2 giai đoạn phản ứng và lắng diễn ra trong cùng một bể (bể SBR).

Nguyên lý hoạt động: Bể SBR hoạt động theo một chu kỳ tuần hoàn với 4 pha bao gồm: Làm đầy, phản ứng, lắng và xả nước. Trong đó pha phản ứng hay còn gọi là quá trình tạo hạt (bùn hạt hiếu khí) quá trình này phụ thuộc vào khả năng



năng cấp khí, đặc điểm của chất nền trong nước thải đầu vào.

- Hồ thu gom, song chắn rác: Nước thải từ các nguồn thải sẽ chảy theo hệ thống thu gom đến hố ga thu gom nước thải, tại đây bố trí song chắn rác cơ học thô có kích thước mắt lưới 10 mm, mục đích để loại bỏ các chất rắn thô. Song chắn rác thô được làm sạch bằng thủ công.

Hồ thu gom có tác dụng như bể lắng, trong thời gian nước thải lưu tại bể thu gom nhờ tác động của trọng lực, các phần tử chất rắn có tỷ trọng lớn hơn của nước lắng xuống đáy bể và chúng được lấy ra khỏi nước thải. Sau thời gian lưu khoảng 3 giờ hầu hết các chất rắn dễ lắng và 30% - 40% những chất ở dạng lơ lửng huyền phù được lắng xuống đáy bể, nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ sẽ loại bỏ hầu hết các tạp chất khô, khoảng 20% - 30% tạp chất lơ lửng, lượng BOD có thể giảm được 20% - 25%.

- Bể điều hòa: Nước thải sau khi được tách rác tại bể thu gom sẽ được dẫn vào bể điều hòa, bể này có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, tránh được hiện tượng “shock” do hoạt động quá tải hoặc dưới tải về lưu lượng cũng như hàm lượng các chất hữu cơ.

- Bể SBR (Sequencing Batch Reactor): Quy trình hoạt động của bể SBR như sau:

+ Pha làm đầy: Trong pha này, nước thải được bơm từ bể điều hòa lên bể SBR đến lượng nước thích hợp để xử lý thì ngừng bơm.

+ Pha phản ứng: Sau khi cho nước vào bể, hệ thống bơm nước thải sẽ ngừng hoạt động, thay vào đó hệ thống sục khí sẽ được khởi động để tiến hành quá trình nitrit hóa, nitrat hóa và phân giải các hợp chất hữu cơ. Do trong pha này, không có nước thải vào trong bể vì vậy thể tích nước thải và tải trọng hữu cơ không được bổ sung, quá trình sục khí được duy trì, các vi sinh vật hiếu khí sẽ oxy hóa các hợp chất hữu cơ để sinh trưởng và phát triển. Vì vậy các hợp chất hữu cơ sẽ được loại bỏ khỏi nước thải.

+ Pha lắng: Các thiết bị sục khí ngừng hoạt động, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh hoàn toàn, thời gian lắng thường nhỏ hơn 2 giờ. Trong pha này, các bông bùn đã được hình thành sẽ được lắng xuống đáy bể.

+ Pha xả nước: Thực hiện đồng thời 2 quá trình là tháo phần nước trong sang bể xử lý tiếp theo và rút bùn dư đưa về bể chứa bùn.

- Bể khử trùng: Bể khử trùng dùng chlorine nhằm tiêu diệt toàn bộ vi sinh vật gây hại cho con người, thời gian lưu nước trong bể là 30 phút với hàm lượng chlorine dư là 0,5 mg/L đủ đảm bảo khử trùng. Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

❖ **Công trình thoát nước thải:**

- Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sẽ chảy theo cống dẫn ra rạch Chợ, kết cấu: ống uPVC có kích thước D90, chiều dài là 2m.

- **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

+ Cửa xả thải là ống uPVC có kích thước D90. Nước thải được xả trực tiếp vào nguồn tiếp nhận thông qua ống xả mà không qua công trình nào khác.

+ Vị trí xả nước thải: Sau miệng ống xả, thuộc ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X(m): 1095661; Y(m): 606341 (hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 105°30').

+ Hình thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

+ Chế độ xả thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

**3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển và mùi trong quá trình hoạt động của chợ như sau:

Khí thải của các phương tiện vận chuyển có thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>... Để giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, phương tiện đi lại Ban Quản lý chợ đã và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và giữ vệ sinh sân đường nội bộ để hạn chế bụi phát sinh trong quá trình di chuyển của người dân;
- Quy định tốc độ của phương tiện khi ra vào chợ, quy định vị trí dừng, đỗ xe;
- Quy hoạch khu vực đỗ xe cho người dân;
- Cấm các phương tiện lưu thông trong khu vực Chợ vào các giờ cao điểm;
- Tuyên truyền, khuyến khích người dân đỗ xe vào đúng nơi quy định.
- Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy chợ như: Quét dọn, làm vệ sinh sạch sẽ tại khu vực buôn bán nhằm hạn chế mùi từ rác thải, nước tồn đọng tại Chợ;
- Thu gom rác thải trong ngày, tránh trường hợp tồn đọng rác thải, từ đó phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí và các hộ dân lân cận.

**3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

Lượng rác thải thông thường phát sinh trung bình tại khu vực Chợ khoảng 70 kg/ngày gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ quá trình sơ chế thực phẩm,

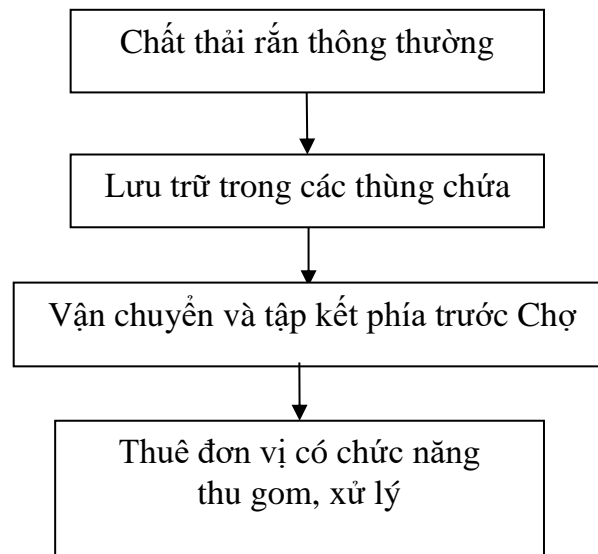
loại bỏ thực phẩm hư. Các biện pháp được áp dụng nhằm thu gom, quản lý và xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại Chợ được thực hiện như sau:

- Lượng rác thải phát sinh hàng ngày được tập trung vào thùng chứa chuyên dụng. Hiện tại, Chợ được bố trí 15 thùng chứa rác (loại thùng có thể tích 240L/thùng, có nắp đậy kín) xung quanh các nhà lồng.

- Ban quản lý chợ tiến hành kiểm tra việc thu gom và lưu trữ rác thải nhằm tránh trường hợp phát sinh lượng rác quá tải. Bên cạnh đó, các tiểu thương và Ban quản lý chợ sẽ sử dụng các hóa chất như vôi, chlorine để hạn chế tối đa mùi và thuốc diệt côn trùng tiêu diệt các loại côn trùng gây bệnh như chuột, ruồi, gián, ...

- Bố trí nhân viên vệ sinh và thu gom rác vào các thùng rác theo Hợp đồng thuê quét rác khu vực Chợ số 134/2022/HĐ-HTX ngày 31/12/2021 ký kết với HTX Xây dựng – Môi trường Trà Vinh thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (đính kèm hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trong phụ lục).

- Quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn:



Hình 10. Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ

☞ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn đã và đang được áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của chợ, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây mất vệ sinh môi trường.

### 3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, hộp mực in thải phát sinh chủ yếu từ khu vực văn phòng của ban quản lý Chợ, khối lượng phát sinh ước tính khoảng 0,4kg/tháng, tương đương 4,8kg/năm.

*Bảng 9. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở*

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	1
4	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	1
5	Bao bì mềm (chứa hóa chất tẩy rửa, vệ sinh nhà lồng chợ)	18 01 01	0,8
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>4,8</b>

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Do người dân chưa ý thức trong công tác phân loại chất thải, phần lớn CTNH được thu gom chung với chất thải rắn thông thường. Từ đó gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý chất thải tại khu vực chợ. Do đó, biện pháp quản lý CTNH được đề xuất như sau:

- Hướng dẫn tiêu thương, nhân viên Ban Quản lý chợ phân loại rác;
- Tuyên truyền ý thức về bảo vệ môi trường và tác hại của CTNH; nghiêm cấm xả chất thải nguy hại xuống rạch Chợ;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phân loại, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại tại khu vực chợ;
- Trang bị ít nhất 01 thùng chứa chất thải nguy hại (có nắp đậy, đặt ở nơi có mái che, đảm bảo không rò rỉ), có dán nhãn theo đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi số lượng đủ nhiều.

☞ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn được đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của chợ, dễ thực hiện, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây ô nhiễm môi trường đất, nước trong khu vực.

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

Tại Chợ tiếng ồn phát sinh chủ yếu vào buổi sáng (khoảng 2 - 3 giờ/ngày). Tuy nhiên để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn gây ra, BQL Chợ sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt ra các nội quy về hoạt động của từng khu vực cụ thể (giới hạn giờ giấc sinh hoạt) nhằm bảo đảm sự yên tĩnh cho các hộ dân ở khu vực dân cư xung quanh Chợ.
- Quy định tốc độ cho các phương tiện khi ra vào khu vực chợ; bố trí khu vực đỗ xe cho người dân;
- Hạn chế bấm còi xe trong khuôn viên chợ, đặc biệt là vào thời gian nghỉ ngơi của người dân hoặc sáng sớm;

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **3.6.1. Các biện pháp phòng chống cháy nổ**

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại Chợ như sau:

- Thường xuyên và định kỳ kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện nhằm phát hiện, sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng.
- Xây dựng nội quy nghiêm cấm các hộ tiểu thương thờ cúng, đốt nhiều vàng mã trong khu vực sạp kinh doanh.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy, các phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009 như: Bảng hiệu lệnh phòng cháy chữa cháy, thiết bị chữa cháy cầm tay...
- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các hộ tiểu thương trong công tác phòng cháy chữa cháy: Nâng cao ý thức trong quá trình lưu trữ hàng hóa, sử dụng điện và các thiết bị điện phù hợp. Khuyến khích các hộ tiểu thương kinh doanh các mặt hàng dễ cháy trang bị thiết bị chữa cháy tại chỗ.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng để được tập huấn định kỳ các phương pháp PCCC, ứng phó khi phát sinh cháy nổ.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

#### **3.6.2. An ninh trật tự và an toàn giao thông**

Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, Ban quản lý Chợ đã và đang áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sau:

- Xây dựng nội quy hoạt động của chợ và niêm yết tại các vị trí dễ thấy nhằm đảm bảo quá trình hoạt động của Chợ được an toàn - văn minh - hiệu quả.
- Lập đội trật tự chịu trách nhiệm như:

- + Tuân tra thường xuyên khu vực chợ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng trộm, cướp hoặc gây rối trật tự;
- + Phát hiện và giải quyết kịp thời các hộ kinh doanh tự phát gây mất trật tự hoặc lấn chiếm lòng đường, gây cản trở, ùn tắc giao thông khu vực chợ;
- + Điều tiết giao thông trong các giờ cao điểm hoặc khi có các phương tiện vận chuyển tải trọng lớn ra vào chợ.

### **3.6.3. Sự cố về môi trường**

Để kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra từ việc thu gom, xử lý chất thải, BQL Chợ đưa ra kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, cụ thể như sau:

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến cống nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tắc nghẽn.
- Định kỳ thu gom chất thải rắn tại các hố ga, lưới chắn rác.
- Thực hiện đầy đủ công tác vệ sinh sân bãi và đường nội bộ.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác thu gom và quản lý chất thải rắn.
- Khi phát hiện sự cố, cán bộ phụ trách tiến hành xác định nguyên nhân và thực hiện khắc phục, sửa chữa kịp thời.
- Khi sự cố vượt khả năng xử lý, cán bộ phụ trách phải báo cáo ngay đến UBND xã, phối hợp với cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý thích hợp.

## Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chúng tôi xin đề xuất nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải như sau:

- Nguồn phát sinh nước thải:
  - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của chợ.
  - + Nước thải từ hoạt động kinh doanh, mua bán của chợ.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

*Bảng 10. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/l	12
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (Tính theo N)	mg/l	60
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (Tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng các chất hoạt động về mặt	mg/l	12
11	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2))

- Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Chợ.
- Vị trí xả thải: Tại đầu ra của cống thoát nước thải tọa lạc tại ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Tọa độ vị trí xả thải (VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X(m): 1095661; Y(m): 606341.
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý chảy vào rạch Chợ; loại hình tự chảy, xả mặt, ven bờ.
- Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

#### **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có**

Nguồn phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động của chợ Hòa Minh là nguồn di động, không liên tục và mức độ tác động không đáng kể.

#### **4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có**

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình hoạt động của chợ Hòa Minh là nguồn di động, không liên tục và mức độ tác động không đáng kể.



## Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

#### 5.1.1. Kết quả giám sát chất lượng nước thải

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở chưa thực hiện hồ sơ môi trường nên không thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, để phục vụ cho việc thực hiện hồ sơ môi trường phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ Hòa Minh, chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu, cụ thể như sau: 01 mẫu nước thải tại vị trí cống thoát nước của Chợ.

Kết quả giám sát nước thải chợ Hòa Minh được tổng hợp tại bảng sau:

*Bảng 11. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải tại chợ Hòa Minh*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc (NT)	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2
1	pH	-	7,17	5-9
2	TSS	mg/L	64	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	<b>673</b>	60
4	COD	mg/L	1.211	-
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	<b>104,70</b>	12
6	Tổng Coliforms	MPN/100mL	<b>4,3x10<sup>6</sup></b>	5.000

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải của cơ sở đính kèm Phụ lục)

#### **\*Nhận xét:**

Hầu hết các thông số thử nghiệm nước thải sau xử lý đều có giá trị cao hơn giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2). Chỉ có thông số TSS nằm trong giới hạn cho phép, thông số COD không quy định trong tại QCVN 14:2008/BTNMT.

#### 5.1.2. Kết quả giám sát chất lượng nước mặt

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở chưa thực hiện hồ sơ môi trường nên không thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, để phục vụ cho việc thực hiện hồ sơ môi trường phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ Hòa Minh, chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu,

cụ thể như sau: 01 mẫu nước mặt Rạch Chợ cách điểm xả thải của chợ 1,0km theo hướng dòng chảy (03 đợt).

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt khu vực rạch Chợ được thể hiện qua bảng sau:

*Bảng 12. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NM)			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B <sub>1</sub> )
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	pH	-	7,22	7,19	7,23	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	<b>98,0</b>	<b>145,0</b>	<b>123,0</b>	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	2,8	2,2	2,4	15
4	COD	mg/L	25	21	25	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ( tính theo N)	mg/L	0,31	0,69	0,64	0,9
6	Coliform	MPN/100mL	<b>4,3.10<sup>4</sup></b>	<b>4,3.10<sup>4</sup></b>	<b>2,4.10<sup>4</sup></b>	7.500

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm nước mặt đính kèm Phụ lục)

**Nhận xét:** Nước mặt tại Rạch Chợ cách điểm xả thải của chợ 1,0km theo hướng dòng chảy có chất lượng tương đối tốt, đa số chỉ tiêu thử nghiệm có giá trị đạt so với giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B<sub>1</sub>), riêng các thông số TSS, Coliform vượt so với giới hạn cho phép từ 1,96 – 5,7 lần so với giới hạn tối thiểu quy định.

## 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

### \* *Quan trắc chất lượng không khí xung quanh*

- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
  - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Vị trí quan trắc: mẫu không khí xung quanh khu vực cổng chợ (KK).
- Kết quả quan trắc được thể hiện qua bảng sau:

*Bảng 13. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả KK	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	67,8	70 <sup>(*)</sup>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m <sup>3</sup>	106	300

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm của cơ sở đính kèm Phụ lục)

\* **Ghi chú:** Giá trị (\*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT.

**Nhận xét:** Kết quả phân tích cho thấy chất lượng không khí xung quanh của khu vực Chợ Hòa Minh tương đối tốt, các thông số thử nghiệm có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.



*Hình 11. Hình ảnh thu mẫu môi trường tại chợ Hòa Minh*

## Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### 6.1 Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

#### 6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ khoản 2, Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của Dự án.

Chủ Dự án xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

*Bảng 14. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ*

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
Nước thải	01 mẫu nước thải tại đầu ra của công thoát nước thải (NT)	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P, H <sub>2</sub> S, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms.	03 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
Không khí xung quanh	01 mẫu không khí trước cổng chợ Hòa Minh (KK)	Tiếng ồn, bụi lơ lửng	06 tháng/lần	-QCVN 05:2013/BTNMT -QCVN 26:2010/BTNMT
Giám sát khác	- Giám sát chất thải rắn		03 tháng/lần	-

(Nguồn: đơn vị tư vấn tổng hợp, 2022)

#### 6.1.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện môi trường hằng năm được khái toán theo bảng sau:

*Bảng 15. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động*

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
I	<b>Giám sát chất lượng nước thải</b>				<b>10.971.696</b>

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	pH	mẫu	04	63.567	254.268
2	TSS	mẫu	04	219.403	877.612
3	BOD <sub>5</sub>	mẫu	04	184.232	736.928
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mẫu	04	189.193	756.772
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mẫu	04	317.654	1.270.616
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mẫu	04	271.234	1.084.936
7	H <sub>2</sub> S	mẫu	04	212.872	851.488
8	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	04	467.926	1.871.704
9	Tổng Coliforms	mẫu	04	816.843	3.267.372
<b>II</b>	<b>Giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn</b>				<b>779.460</b>
1	Tiếng ồn	508.440	02	127.110	254.220
2	Bụi	1.050.480	02	262.620	525.240
<b>TRƯỚC THUẾ</b>					<b>11.751.156</b>
<b>THUẾ VAT 8%</b>					<b>940.092</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>12.691.248</b>

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2022)

## 6.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Khoản 2 Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Dự án không thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

**Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ khi chợ Hòa Minh đi vào hoạt động đến nay, hoạt động kinh doanh tại chợ không gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh và môi trường tại cơ sở.

## **Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Trong quá trình quản lý và vận hành chợ, Ban Quản lý chợ Hòa Minh xin cam kết:

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của chợ nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Đầu tư thực hiện các biện pháp xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, áp dụng hệ số K=1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là rạch Chợ.

+ Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại được quản lý theo đúng quy định.

+ Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Cam kết thực hiện giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã được đề xuất.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.